

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI

(Trích *Vũ Như Tô*)

(2 tiết)

NGUYỄN HUY TƯỜNG

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

– Hiểu và phân tích được các tính cách bi kịch Vũ Như Tô, Đan Thiềm, từ đó thấy được mâu thuẫn giữa khát vọng nghệ thuật thuần túy của Vũ Như Tô với lợi ích thiết thực của nhân dân, qua đó nhận thức được quan điểm nhân dân của tác giả ; đồng thời thấy được thái độ cảm thông, trân trọng của tác giả đối với những nghệ sĩ có tài năng và hoài bão lớn nhưng lại lâm vào mâu thuẫn bi kịch giữa lí tưởng và thực tế.

– Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật kịch của Nguyễn Huy Tường.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Về Nguyễn Huy Tường và tác phẩm của ông

– Khi khai thác phần *Tiểu dẫn* trong SGK, GV cần nhấn mạnh : những tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Huy Tường ; niềm khao khát và thiên hướng đam mê sáng tạo của ông : viết được những tác phẩm có quy mô lớn, dựng lên được những hình tượng hoành tráng về lịch sử bi hùng của dân tộc, khao khát nêu lên được những vấn đề nhức nhối, có tầm vóc lớn lao của văn chương nghệ thuật.

– Về văn bản, SGK trích trọn Hồi V (chín lớp kịch), HS tất nhiên không có điều kiện đọc đầy đủ tác phẩm. Vì thế, cần lưu ý sao cho vừa bám sát đoạn trích (Hồi V), vừa gợi ý HS hình dung được toàn thể vở kịch. Để làm được điều này, GV cần đọc kĩ vở kịch, nắm chắc tác phẩm và khai thác phần tóm tắt nội dung trong SGK sao cho hiệu quả.

b) Về đặc điểm thể tài của vở kịch

Hiện cũng có những ý kiến khác nhau. Một số người muốn xem đây như một vở *kịch lịch sử*, một số khác có xu hướng xem đây là *bi kịch*. Thực ra, vở kịch

cũng có nhiều yếu tố lịch sử, nhưng nó không có ý định dựng lại, làm sống dậy một sự thật lịch sử nên cũng khó xem đây là một vở kịch lịch sử theo đúng nghĩa của nó. Qua *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng muốn đặt những vấn đề sâu xa hơn liên quan đến nhiều mối quan hệ : lợi ích của bản thân nghệ thuật và lợi ích của đời sống, nghệ sĩ và nhân dân, đam mê và tội lỗi. Những bài viết⁽¹⁾ có giá trị gần đây nhất về *Vũ Như Tô* đều xem vở kịch này là một bi kịch⁽²⁾. Soạn giả SGK cũng xem *Vũ Như Tô* là *bi kịch*, nhưng cũng không bỏ qua tính chất *kịch lịch sử* của nó. *Phần Tri thức đọc - hiểu* trong SGK cũng đã cung cấp một số tri thức về *bi kịch*.

Tuy vậy, những điều nói trên chỉ nhằm lưu ý thêm về phía GV, còn đối với HS thì đây là bài đọc - hiểu ở trường THPT nên chỉ cốt hình thành ở HS một vài ý niệm về các *thể* trong *loại* kịch. Điều quan trọng là HS hiểu được nội dung, nhân vật và những kiến thức phổ thông liên quan đến kịch nói chung (về *bi kịch* hay *kịch lịch sử*), không đòi hỏi HS đi sâu nhận diện hay tìm hiểu đặc trưng bi kịch hay kịch lịch sử.

c) Cần chú ý đến đặc trưng của kịch trong quá trình hướng dẫn đọc - hiểu, nhất là trong chương trình THPT, kịch là thể loại văn học mà HS chưa có điều kiện để học nhiều. Có thể tổ chức cho HS xem kịch (*Vũ Như Tô* đã được nhiều đoàn kịch nói dàn dựng thành công, có thể dùng băng đĩa), kể về nội dung vở kịch, đọc phân vai,...

d) Chủ đề của vở kịch không đơn giản, bởi trong tính chất bi kịch – lịch sử của nó, *Vũ Như Tô* đề cập đến những triết lí sâu xa với những hàm nghĩa mỹ học thâm trầm, khó thấu tóm cho đầy đủ (sẽ được nói rõ ở phần sau).

đ) Bảng nhân vật, kết cấu và lời *đề tựa* của vở kịch

Để nắm vững nội dung, kết cấu và chủ đề vở kịch, GV cần lưu ý thêm bảng nhân vật, các hồi của vở kịch.

– Nhân vật

LÊ TƯƠNG DỤC :	Vua nhà Lê	24 tuổi
KIM PHƯỢNG :	Thứ phi	20 tuổi

(1) Đỗ Đức Hiếu, *Bi kịch Vũ Như Tô*, trong sách *Thi pháp hiện đại*, NXB Hội Nhà văn, H., 2000.

(2) Phạm Vinh Cư, *Bàn thêm về bi kịch "Vũ Như Tô"*, *Tạp chí Văn học*, số 7 - 2000.

TRỊNH DUY SẴN :	Quận công	60 tuổi
NGUYỄN VŨ :	Đông Các đại học sĩ	52 tuổi
LÊ AN :	Công bộ Thượng thư	58 tuổi
VŨ NHƯ TÔ :	Kiến trúc sư	40 tuổi
ĐAN THIÊM :	Cung nữ	33 tuổi
THỊ NHIÊN :	Vợ Vũ Như Tô	40 tuổi
HAI QUÁT :	Phó đốc công	
PHÓ BẢO :	Phó nề	} thợ giúp Vũ Như Tô
PHÓ CÔI :	Phó mộc	
PHÓ TOÉT :	Phó đục	
PHÓ ĐỘ :	Phó chạm	
LÊ TRUNG MẠI :	Thái giám	42 tuổi
NGÔ HẠCH :	Võ sĩ của Trịnh Duy Sản	25 tuổi
THÁI TỬ CHIÊM THÀNH :		18 tuổi
THỢ – NỘI GIÁM – CUNG NỮ – QUÂN SĨ		

– Các hỏi

Hỏi I : *Một cung cấm của vua Lê (9 lớp).*

Hỏi II : *Một cung điện mà vua dành riêng cho Vũ Như Tô ở (5 lớp).*

Hỏi III : *Nửa năm sau (công trường) (9 lớp).*

Hỏi IV : *Bốn tháng sau (công trường) (6 lớp).*

Hỏi V : *Một cung cấm (9 lớp).*

2. Về phương pháp

– Nên tổ chức hoạt động đọc văn của HS theo quy trình : 1. Hướng dẫn đọc, tìm hiểu các yếu tố ngoài văn bản ; 2. Hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu văn bản.

Nội dung tìm hiểu "các yếu tố ngoài văn bản" đã được đề cập trong mục lưu ý *Về nội dung*. HS thực hiện công việc này chủ yếu ở nhà. Đến lớp GV hướng dẫn HS dựa vào các phần *Tiểu dẫn* và *Tri thức đọc - hiểu* để chốt lại một số điểm quan trọng (như nội dung hành động kịch ở các hỏi trước, tính cách của Vũ Như Tô, Đan Thiêm, đặc điểm của bi kịch và ngôn ngữ bi kịch, v.v.), nhằm chuẩn bị nhận thức và tâm thế đọc - hiểu, thâm nhập đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.

Nội dung hướng dẫn HS *đọc và tìm hiểu văn bản* với các yếu tố nội tại của nó đã được gợi ý qua các câu hỏi trong SGK. Tuy vậy, GV cần sắp xếp các câu hỏi chính và chuẩn bị thêm các câu hỏi phụ dẫn dắt, gợi mở sao cho việc đọc - hiểu theo các cấp độ từ tiếp cận, nhận biết (1), qua cắt nghĩa, đánh giá (2), đến tổng hợp (3).

– GV nên kết hợp việc đọc diễn cảm các lớp kịch với hướng dẫn trả lời các câu hỏi. Có thể GV đọc thị phạm một vài lời thoại hay và khó đọc, cho HS đọc phân vai một vài lớp ; cho HS xem một vài đoạn băng ngắn với diễn xuất của các diễn viên kịch nói,...

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

Giới thiệu Nguyễn Huy Tưởng và vị trí của kịch *Vũ Như Tô* trong sự nghiệp sáng tác của ông, cần nhấn mạnh những nội dung đã nói ở mục 1, phần *Những điểm cần lưu ý*.

2. Phần nội dung chính

GV tổ chức cho HS đọc - hiểu, lưu ý phần *Tiểu dẫn* về tác giả, tóm tắt cốt truyện kịch *Vũ Như Tô*, nêu một vài câu hỏi kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của HS và đi vào phần chính của bài học.

Câu hỏi 1

Trong phần *Tiểu dẫn*, SGK đã nêu sự việc, tình tiết thuộc Hồi V như sau : Lợi dụng tình hình rối ren và mâu thuẫn ấy, Trịnh Duy Sản cầm đầu một phe cánh đối nghịch trong triều đình đã dấy binh nổi loạn, lôi kéo thợ thuyền làm phản, giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm và thiêu huỷ Cửu Trùng Đài.

GV hướng dẫn HS tóm tắt rõ hơn về tình tiết này (lưu ý sự phát triển các xung đột kịch). Biết tin có binh biến, bạo loạn trong phủ chúa, nguy hiểm đến tính mạng Vũ Như Tô, Đan Thiềm hết lời khuyên và giục ông đi trốn. Nhưng Vũ Như Tô khăng khăng không nghe vì tự tin mình "quang minh chính đại", "không làm gì nên tội" và hi vọng ở chủ tướng An Hoà Hầu. Tình hình càng lúc càng nguy kịch : Lê Tương Dực bị giết, đại thân, hoàng hậu, cung nữ của y cũng vạ lây, Đan Thiềm bị bắt,... Kinh thành diên đảo. Khi quân khởi loạn đốt Cửu Trùng Đài thành tro, Vũ Như Tô mới tỉnh ngộ. Ông trợ trợ, đau đớn vĩnh biệt Cửu Trùng Đài rồi bình thân ra pháp trường.

Câu hỏi 2

GV giới thiệu nhanh mâu thuẫn thứ nhất, tập trung vào mâu thuẫn thứ hai.

– *Mâu thuẫn thứ nhất* : mâu thuẫn giữa đời sống xa hoa, truy lạc của bọn tham quan bạo chúa với đời sống cơ cực, thống khổ của nhân dân lao động (nói gọn lại là mâu thuẫn giữa lợi ích của bạo chúa với quyền sống của thường dân, tất yếu sẽ dẫn đến việc dân chúng nổi dậy diệt trừ tên bạo chúa và tất cả những kẻ bị xem là cùng phe cánh của hắn ở hồi cuối của vở kịch).

Mâu thuẫn này chủ yếu thể hiện ở những hồi trước của vở kịch, đã thành cao trào trong hồi cuối này. Bạo chúa Lê Tương Dực chết trong tay những người nổi dậy do Trịnh Duy Sản cầm đầu. Đại thần của y (gian thần Nguyễn Vũ) chết trong một trò hề nhạt nhẽo. Hoàng hậu và đám cung nữ hết thời của y bị những kẻ nổi loạn nhục mạ, bắt bớ. Dân chúng reo hò, đốt phá, nhiec móc,... được một phen hả lòng hả dạ. Uy quyền của bạo chúa tiêu tan theo tro bụi Cửu Trùng Đài. Đây đúng là lúc "dân nổi can qua", vua quan "thất thế". Tiếc rằng cuộc nổi dậy ấy không thể mang lại điều gì tốt đẹp hơn cho dân chúng bởi giang sơn sẽ vào tay những kẻ cầm đầu cuộc phản loạn (tức phe cánh của Trịnh Duy Sản).

– *Mâu thuẫn thứ hai* : mâu thuẫn giữa niềm khao khát hiển danh tất cả cho nghệ thuật của người nghệ sĩ đắm chìm trong mơ mộng với lợi ích trực tiếp và thiết thực của đời sống nhân dân.

Mâu thuẫn này xuất phát từ nguyên nhân sâu xa của bi kịch : người nghệ sĩ thiên tài không có điều kiện sáng tạo, không thể thi thố tài năng. Nhưng trên thực tế anh ta lại vẫn chỉ là một thợ thủ công vô danh tiểu tốt ! Vì thế, khi biết rằng có thể mượn tay bạo chúa Lê Tương Dực mà thực hiện được hoài bão của mình thì anh ta sẵn sàng bất chấp tất cả, kể cả khi phải trả bằng công sức, tiền bạc của nhân dân, bằng mồ hôi, xương máu của những người thợ. Chính niềm khao khát của người nghệ sĩ đắm chìm trong mơ mộng đã đẩy Vũ Như Tô đến vị thế đối nghịch với lợi ích trực tiếp và thiết thực của đời sống nhân dân. (Đài càng xây cao thì càng tốn kém nhiều, tổn thất lớn, lại thêm các đại nạn, đại dịch,... thế là dù muốn dù không, Vũ Như Tô đã bất đắc dĩ thành kẻ thù của nhân dân). Cuối vở kịch, người ta không chỉ nguyên rủa tác giả Cửu Trùng Đài như nhiều người đã oán trách, nguyên rủa mà còn theo lời những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn đốt phá tan tành Cửu Trùng Đài, bắt bớ và trừng phạt tác giả của nó. Đây là lúc mâu thuẫn, xung đột kịch đã được đẩy lên đến đỉnh điểm. Và nếu như trong những hồi đầu, nó chỉ là mâu thuẫn tiềm ẩn, có vẻ mờ nhạt, thấp thoáng đằng sau mâu thuẫn thứ nhất,

thì giờ đây, nó hầu như đã nhập hoà làm một với mâu thuẫn thứ nhất. Thậm chí người dân hầu như không mấy quan tâm đến việc trả thù bạo chúa Lê Tương Dực – việc này đã có phe cánh Trịnh Duy Sản đảm nhiệm – mà chỉ chăm chăm truy diệt ("phanh thây") Vũ Như Tô và người cung nữ "đồng bệnh" với ông là Đan Thiềm.

Câu hỏi 3

Qua đọc - hiểu, HS cần phát biểu được nhận thức, ý kiến của mình theo các nội dung sau.

a) Tính cách, diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô, Đan Thiềm

– Tính cách nổi bật nhất của Vũ Như Tô là tính cách của người nghệ sĩ tài ba, hiện thân cho niềm khát khao và đam mê sáng tạo Cái Đẹp. Nhưng trong một hoàn cảnh cụ thể, Cái Đẹp ấy thành ra phù phiếm, nó sang trọng, siêu đẳng, thậm chí "cao cả và đẫm máu" như một "bông hoa ác". Vì thế, đi tận cùng niềm đam mê, khao khát ấy, Vũ Như Tô tất phải đối mặt với bi kịch đau đớn của đời mình. Ông trở thành kẻ thù của dân chúng, thợ thuyền mà không hay biết.

Cái tài ba được nói đến chủ yếu ở các hồi, lớp trước thông qua hành động của Vũ Như Tô và nhất là lời của các nhân vật khác nói về ông. Hồi V không nói nhiều đến tài năng của nhân vật (chỉ duy nhất có Đan Thiềm nhắc đến), mà đặt Vũ Như Tô vào việc tìm kiếm một câu trả lời : Xây đài Cửu Trùng là đúng hay sai ? Có công hay có tội ? Nhưng Vũ Như Tô không trả lời được thoả đáng câu hỏi đó bởi ông chỉ đứng trên lập trường của người nghệ sĩ mà không đứng trên lập trường của nhân dân, đứng trên lập trường Cái Đẹp mà không đứng trên lập trường Cái Thiện. Hành động của ông không hướng đến sự hoà giải mà thách thức và chấp nhận sự huỷ diệt. Vũ Như Tô đã từng tranh *tranh đấu với hoá công*, giờ lại bước bình tranh *phải – trái với số phận và với cuộc đời*. Hành động kịch hướng vào cuộc đua tranh này thể hiện qua diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô.

– Nếu Vũ Như Tô là người đam mê Cái Đẹp và khát khao sáng tạo Cái Đẹp thì tính cách của Đan Thiềm là tính cách của người đam mê Cái Tài, cụ thể là tài sáng tạo nên Cái Đẹp. "Bệnh Đan Thiềm" (như chữ của Nguyễn Huy Tưởng) là bệnh mê đắm người tài hoa, hay bệnh của kẻ "biệt nhỡn liên tài" (như chữ của Nguyễn Tuân). Nhưng Cái Tài ở đây không phải Cái Tài nói chung mà là Cái Tài siêu việt, siêu đẳng. Đan Thiềm có thể quên mình để khích lệ, bảo vệ Cái Tài ấy, nhưng nàng luôn tỉnh táo, sáng suốt trong mọi trường hợp vì nàng hiểu người, hiểu đời hơn, thức thời,

mềm mại và dễ thích ứng với hoàn cảnh hơn Vũ Như Tô. Hai lần nàng khuyên nhủ Vũ Như Tô đều hết sức sáng suốt, nhưng lần thứ nhất lời khuyên có hiệu lực ; lần thứ hai thì không và bi kịch của Đan Thiềm chủ yếu gắn với thất bại này. Tất nhiên, nàng chỉ đau xót và tiếc thay cho Vũ Như Tô chứ không oán trách ông. Giữa nàng với người "đồng bệnh" Vũ Như Tô vẫn có một khoảng cách không thể vượt qua. Tâm lí của Đan Thiềm ở Hồi V tập trung diễn biến theo sự thành bại của lời – cũng là hành động – khuyên can này.

b) Ở hồi cuối, cả Vũ Như Tô và Đan Thiềm đều lâm vào trạng thái khủng hoảng với một nỗi đau chung : sự vỡ mộng thể thảm. Nhưng diễn biến tâm trạng của họ có chiều hướng vận động và biểu hiện khác nhau.

– Đan Thiềm cũng đau đớn nhận ra thất bại của giấc "mộng lớn" xây Cửu Trùng Đài, nhưng nhạy bén, sớm sửa, kịp thời hơn Vũ Như Tô. Tâm trí của nàng giờ đây không còn hướng vào thành bại của việc xây Cửu Trùng Đài, mà hướng vào sự sống còn của Vũ Như Tô, người nghệ sĩ tài ba "ngàn năm chưa dễ có một". Nàng khẩn khoản khuyên Vũ đi trốn và khi thấy lời khuyên của mình vô hiệu thì hốt hoảng, đau đớn tột cùng. Trong mấy lớp liên tiếp của Hồi V, Đan Thiềm đã nhiều lần khuyên Vũ Như Tô "trốn đi". Đến lúc nhận ra ngay cả việc đổi mạng sống của mình ("Tướng quân nghe tôi. Bao nhiêu tội tôi xin chịu hết. Nhưng xin tướng quân tha cho ông Cả. Ông ấy là một người tài...") để cứu Vũ Như Tô cũng không được nữa thì Đan Thiềm đành buông lời vĩnh biệt tất cả (Lưu ý : nàng nói – "Đài lớn tanh tành ! Ông Cả ơi ! Xin cùng ông vĩnh biệt !", mà không nói : "Vĩnh biệt ông Cả !"). Đó cũng là lời vĩnh biệt mãi mãi Cửu Trùng Đài, vĩnh biệt một "giấc mộng lớn" trong máu và nước mắt.

– Vũ Như Tô, trái lại, vẫn không thể thoát ra khỏi trạng thái mơ màng, ảo vọng của chính mình. Ông không tin rằng, cái việc cao cả mình làm lại có thể bị xem là tội ác, cũng như không thể tin sự quang minh chính đại của mình lại bị rẻ rúng, nghi ngờ. Sự vỡ mộng của Vũ Như Tô vì thế đau đớn, kinh hoàng gấp bội so với Đan Thiềm. Nỗi đau ấy bộc lộ thành tiếng kêu bi thiết mà âm điệu nã nùng, khắc khoải của nó thành âm hưởng chủ đạo bao trùm đoạn kết đã đành, nó còn thành một thứ chủ âm dội ngược lên toàn bộ những phần trước của vở bi kịch. "Ôi mộng lớn ! Ôi Đan Thiềm ! Ôi Cửu Trùng Đài !" – đó cũng là những tiếng kêu cuối cùng của Vũ Như Tô khi ngọn lửa oan nghiệt đang bùng bùng thiêu trụi Cửu Trùng Đài, trước khi tác giả của nó bị dẫn ra pháp trường. Trong tiếng kêu ấy, "mộng lớn", "Đan Thiềm", "Cửu Trùng Đài" đã được Vũ Như Tô đặt kế tiếp nhau, nỗi đau mất mát như nhập hoà làm một, thành một nỗi đau bi tráng tột cùng.

Như vậy, diễn biến tâm trạng của hai nhân vật ở hồi cuối này góp phần thể hiện tính cách bi kịch ở mỗi người cũng như những gì được xem là "đồng bệnh", "tri âm" (hay đồng điệu) ở họ, đồng thời qua đó, góp phần khơi sâu hơn chủ đề của tác phẩm.

c) Về thái độ của nhà văn và cách đánh giá hai nhân vật Vũ Như Tô, Đan Thiềm

Đây là vấn đề thú vị nhưng rõ ràng không đơn giản. Bởi vì, trong khi bàn bạc, trao đổi, một mặt, ta cần phân biệt thái độ, cảm hứng và quan niệm thẩm mỹ của nhà văn qua hình tượng nhân vật ấy. Mặt khác, cũng phải thấy rằng, thái độ và cách đánh giá của Nguyễn Huy Tưởng đối với các nhân vật chắc chắn cũng không luôn luôn đồng nhất với thái độ, cách đánh giá của các nhân vật ấy đối với nhân vật khác và đối với chính mình.

– Có thể hiểu thái độ, cách đánh giá của Nguyễn Huy Tưởng về Vũ Như Tô qua thái độ, cách đánh giá của Đan Thiềm đối với nhân vật này ("Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm"). Đan Thiềm cảm phục, trân trọng Vũ Như Tô nồng nhiệt đến quên mình. Nhưng Nguyễn Huy Tưởng cũng thận trọng, tỉnh táo nhận ra Vũ Như Tô chỉ là người tài, chưa phải bậc hiền tài, cái đẹp mà Vũ Như Tô có thể tạo ra là tuyệt mỹ mà không tuyệt thiện. Chân lí chỉ thuộc về Vũ Như Tô một nửa, còn nửa kia thuộc về đời sống của dân chúng. Như vậy, nói chung Vũ Như Tô và Đan Thiềm là tính cách đa diện, phức tạp. Thái độ nhà văn, chủ yếu là trân trọng cái tài, khâm phục cái hoài bão, cảm thông với bi kịch của Vũ Như Tô, không thể là thái độ ngợi ca một chiều và có những chỗ ông không đồng tình với nhân vật của mình.

– Thái độ của người đọc và của HS khi tiếp nhận hình tượng nhân vật, chắc chắn cũng sẽ không giống nhau, thậm chí ngược nhau. Nhưng khi phát biểu phải tỏ ra có lí lẽ, có cơ sở lập luận riêng.

Điều quan trọng là GV cần nêu vấn đề cho HS trao đổi, tự bộc lộ nhận thức, thái độ và cách lập luận của mình. GV chỉ nên định hướng, khơi gợi, không nhất thiết phải đưa ra kết luận khen, chê về nhân vật thật thoả đáng, "tối hậu".

Câu hỏi 4

– Trong lời *đề tựa*⁽¹⁾ viết một năm sau khi viết xong vở kịch, chính Nguyễn Huy Tưởng đã công khai bày tỏ nỗi băn khoăn của mình : "Đài Cửu Trùng không

(1) *Tuyển tập Nguyễn Huy Tưởng*, NXB Văn học, H., 1988.

thành, nên mừng hay nên tiếc?", "Chẳng biết Vũ Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải [...] – Than ôi, Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết – Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm". Các mâu thuẫn nói chung thường chỉ có thể giải quyết bằng hai cách: hoặc bằng cách *triệt tiêu* (phủ định dứt khoát hẳn một phía, để thắng lợi cho phía kia), hoặc bằng cách *hoà giải* (điều hoà, cải biến cả hai phía). Chẳng hạn, với mâu thuẫn thứ nhất, nhân dân nổi dậy giết bạo chúa là xong (triệt tiêu), nhưng mâu thuẫn thứ hai chỉ có thể giải quyết theo cách *hoà giải*. Thế mà xem ra đã không có một cuộc hoà giải nào (cơ hội duy nhất để chờ hoà giải là Vũ Như Tô phải tạm thời trốn đi, chờ thời. Nhưng Vũ Như Tô vừa mù quáng vừa cố chấp nên cơ hội này bị bỏ qua). Ở đây, nhân dân còn hồ đồ, mù quáng hơn cả Vũ Như Tô, họ những tưởng đốt xong Cửu Trùng Đài là xong xuôi mọi sự. Cửu Trùng Đài bị đốt, nhưng Vũ Như Tô vẫn không hiểu gì và không hề quan tâm đến lợi ích thiết thực của nhân dân. Ông đi ra pháp trường bình thản nhận cái chết, cũng như Đan Thiềm bị coi như một kẻ thù sẽ bị xử giảo, coi như giá trị lớn bị huỷ diệt. Hai giá trị – Cái Đẹp và Cái Thiện đã không thể điều hoà, chung sống với nhau. Cái Đẹp bị tiêu diệt thì Cái Thiện cũng không còn đất sống.

– Mâu thuẫn và tính không dứt khoát trong cách giải quyết mâu thuẫn này được thể hiện tập trung trong hồi cuối của vở kịch. Cửu Trùng Đài sụp đổ và bị đốt cháy, nhân dân trước sau vẫn không hiểu gì về việc sáng tạo của nghệ sĩ. Trước, họ nguyên rủa việc xây dựng Cửu Trùng Đài, giờ đây, họ hả hê đốt phá. Họ càng không hiểu nổi Đan Thiềm, Vũ Như Tô cũng như "mộng lớn" của hai nhân vật – hiện thân cho Tài – Sắc này. Về phía khác, Đan Thiềm không cứu được Vũ Như Tô bằng lời khuyên của nàng, mặc dù trong mắt Vũ Như Tô, nàng là người tri kỉ, đồng bệnh, lại là "viên ngọc quý", "trí sáng như vầng nhật nguyệt". Vũ Như Tô vẫn không thể, không bao giờ hiểu được việc làm của quần chúng và của phe cánh nổi loạn. Nếu Vũ Như Tô nghe lời, trốn đi thì có thể mâu thuẫn sẽ giải quyết theo một hướng khác chăng?

Thực ra, đây là mâu thuẫn mà có lẽ không bao giờ và không ai giải quyết cho thật dứt khoát, ổn thoả được. Bởi vì nó mang tính phổ quát và mang tầm nhân loại: thực chất là biểu hiện của mâu thuẫn giữa nghệ sĩ và nhân dân, giữa Cái Đẹp (thuần túy, siêu đẳng) và Cái Thiện trong một số hoàn cảnh, trường hợp đặc biệt. Mâu thuẫn này chỉ có thể giải quyết được ổn thoả khi đời sống tinh thần của nhân dân, nhu cầu về Cái Đẹp được nâng cao lên.

Với một *đề tựa* như thế, dù để biết từ trong ý đồ nghệ thuật cho đến việc thể hiện ý đồ ấy, nhà văn đã tạo ra một suy tư lơ lửng, mâu thuẫn giữa quan niệm nghệ thuật thuần túy của muôn đời và lợi ích thiết thực của đời sống nhân dân. Việc giải quyết ổn thoả mâu thuẫn này phải nhờ vào lịch sử và sự giác ngộ của cả nghệ sĩ và nhân dân.

Câu hỏi 5

Bằng một ngôn ngữ kịch có tính tổng hợp rất cao, nhất là trong hồi cuối của *Vũ Như Tô*, nhà văn đã đồng thời khắc hoạ tính cách, miêu tả tâm trạng, dẫn dắt hành động xung đột kịch rất thành công, tạo nên một bức tranh đời sống bi kịch rất hoành tráng trong nhịp điệu bão tố của nó. GV có thể lưu ý thêm một số điểm như sau.

– Nhịp điệu được tạo ra thông qua nhịp điệu của *lời nói – hành động* (nhất là qua khẩu khí, nhịp điệu, sắc thái *lời nói – hành động* của những người khác trong vai trò đưa tin, nhịp điệu "ra", "vào" của các nhân vật đầu và cuối mỗi lớp – các lớp đều ngắn, có những lớp rất ngắn : chỉ vài ba lượt thoại nhỏ ; những tiếng reo, tiếng thét, tiếng động dội từ hậu trường, phản ánh cục diện, tình hình nguy cấp, điên đảo trong các lời chỉ dẫn sân khấu hàm súc của tác giả). Với một ngôn ngữ có tính tổng hợp (kể, miêu tả, bộc lộ,...) và tính hành động rất cao như vậy, người ta dễ dàng hình dung cả một không gian bạo lực kinh hoàng trong một nhịp điệu chóng mặt : Lê Tương Dực bị Ngô Hạch giết chết, hoàng hậu nhảy vào lửa tự vẫn (qua lời kể của Lê Trung Mại), Nguyễn Vũ tự tử bằng dao (ngay trên sân khấu), Đan Thiềm suýt bị bọn nội giám thất cổ ngay tại chỗ, Vũ Như Tô ra pháp trường. Rồi tiếng nhיע móc, chửi rủa, la ó, than khóc, máu, nước mắt,... tất cả hùng hực như trên một cái chảo dầu sôi khồng lồ.

Mỗi lần Đan Thiềm cũng như Vũ Như Tô xuất hiện (với công trình Cửu Trùng Đài đang xây) trên sân khấu đều đánh dấu một biến động lớn của hành động kịch. (Cảnh thứ nhất : Hồi I, lớp 7 ; *cảnh thứ hai* : Hồi III, lớp 9 ; *cảnh thứ ba* : Hồi V, lớp 7, 8, 9. Hồi I : đài cao sắp mọc, tình tri kỉ nảy sinh ; Hồi III : Đài Cửu Trùng đang mọc lên dang dở nhưng đẹp và kì vĩ lắm, tình tri kỉ gắn bó tha thiết ; Hồi V : Cửu Trùng Đài sụp đổ, người tri kỉ, tình tri kỉ chìm trong cái chết bi thương).

– Là một vở kịch lịch sử, *Vũ Như Tô* tất nhiên được viết dựa trên sử liệu : sự kiện, nhân vật lịch sử, bối cảnh lịch sử. Điều quan trọng là tác giả đã khai thác, vận dụng các sử liệu ấy như thế nào cho phù hợp với yêu cầu của bi kịch. Và lịch sử có lô gích, quy luật riêng của nó. Nhiều khi thật tàn khốc, lạnh lùng. Cái lối

lịch sử được nhà văn khai thác ở đây là câu chuyện Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài cho Lê Tương Dực (như sách *Đại Việt sử kí* và *Việt sử thông giám cương mục* ghi lại). Đài xây dang dở, người thợ tài hoa Vũ Như Tô đã phải chịu cái chết oan khốc. Ở đây, để góp phần làm nên cái khung cảnh và không khí bi tráng của lịch sử, tác giả đã đặt hành động kịch vào trong "một cung cấm" ; nhiều nhân vật kịch là những nhân vật lịch sử ; nhiều tên đất, tên người gắn với triều Lê,... Đúng như lời chỉ dẫn sân khấu của tác giả : sự việc trong vở kịch xảy ra ở Thăng Long trong khoảng năm 1516 - 1517, dưới triều Lê Tương Dực.

Câu hỏi 6

Để thực hiện yêu cầu của câu hỏi này, HS trước hết cần nhận biết đúng các lời chú thích nghệ thuật, các lời thoại đầy kịch tính, sau đó, phân tích được giá trị tạo hình và biểu tượng của chúng.

Ví dụ : Đọc kĩ và phân tích một đoạn thoại trong lớp cuối cùng của vở kịch.

Trong lớp này, trực tiếp tham gia vào hành động trên sân khấu có các nhân vật : Vũ Như Tô, Ngô Hạch, lữ quân, quân sĩ. Kịch tính ở đây chủ yếu được biểu hiện thông qua các lời thoại (gồm cả đối thoại và độc thoại) giữa hai thế lực đối nghịch : một bên là quân phản loạn, nhân danh sức mạnh quyền lợi của dân chúng mà đốt phá, truy diệt phe đảng của vương triều cũ ; một bên là người thợ cả lòng danh, nhân danh hoài bão nghệ thuật cao đẹp mà xây đài cho bạo chúa.

Bên cạnh các lời thoại, các chỉ dẫn sân khấu được sử dụng để tạo dựng tình huống, bối cảnh cho diễn xuất. Chẳng hạn, lời LỮ QUÂN – "... Cửu Trùng Đài sắp là một đồng tro tàn !" ; chú thích nghệ thuật : "*(Chợt có ánh lửa sáng rực, cả tàn than, bụi khói bay vào)*" ; và "VŨ NHƯ TÔ (*nhìn ra, rú lên*) – Đốt thực rồi ! Đốt thực rồi ! Ôi đảng ác ! Ôi muôn phần căm giận ! Trời ơi ! Phú cho ta cái tài làm gì ? Ôi mộng lớn ! Ôi Đan Thiềm ! Ôi Cửu Trùng Đài ! (*có tiếng hò vui vẻ : "Cửu Trùng Đài đã cháy !"*) ; QUÂN SĨ – Thực đáng ăn mừng. VŨ NHƯ TÔ (*chua chát*) – Thôi thế là hết. Dẫn ta đến pháp trường !".

3. Phân củng cố

– HS nhắc lại các mâu thuẫn chính của vở kịch, nhắc lại đặc điểm tính cách của Vũ Như Tô – Đan Thiềm trong sự đối chiếu, so sánh.

– Đọc phân vai một vài lớp để lắng nghe rõ hơn ngôn ngữ bi kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

– Có thể cho HS xem băng (Hồi V) vở kịch này trong giờ ngoại khóa.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Để giúp HS làm tốt bài tập này, GV nên đọc kĩ vở kịch, dựa vào phần hướng dẫn trả lời các câu hỏi 2, 3, 4, 5 (SGV) để hướng dẫn thêm. Nên lưu ý các điểm sau.

1. Lời *đề tựa* (dưới hình thức những câu thơ văn xuôi) nêu ra hai điều băn khoăn của tác giả : a) Lẽ phải thuộc về ai (Vũ Như Tô hay những kẻ giết Vũ Như Tô) ? b) Mất Cửu Trùng Đài, nên mừng hay nên tiếc ? Và một lời khẳng định : "Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm".

Trong khi thực hiện bài tập này, HS nên tập trung vào những ý chính vừa nêu.

2. Định hướng giải quyết vấn đề

– Lẽ phải không hoàn toàn đơn giản thuộc về phía nào. Mất Cửu Trùng Đài vừa đáng mừng vừa đáng tiếc. Nguyễn Huy Tưởng không chủ ý, cũng không có khả năng đưa ra một lời đáp rạch ròi (hai lần ông thú nhận : "chẳng biết", "ta chẳng biết").

– "Bệnh Đan Thiềm" là bệnh đam mê nghệ thuật, kính phục "tài trời" (thiên tài), là bệnh nhạy cảm với bi kịch của người tài.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Nguyễn Huy Tưởng, *Vũ Như Tô*, trong sách *Tuyển tập Nguyễn Huy Tưởng*, NXB Văn học, H., 1988.

– Đỗ Đức Hiểu, *Bi kịch Vũ Như Tô*, trong sách *Thi pháp hiện đại*, NXB Hội Nhà văn, H., 2000.

– Phạm Vĩnh Cư, *Bàn thêm về bi kịch "Vũ Như Tô"*, *Tạp chí Văn học*, số 7 - 2000.

– *Nguyễn Huy Tưởng – Về tác gia và tác phẩm*, Bích Thu – Tôn Thảo Miên tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, 2003.